

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương trong 6 tháng đầu năm 2019

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019, như sau:

1. Số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương

Chi tiết thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019 theo Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm.

2. Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương

2.1. Về thu ngân sách nhà nước

Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2019 đạt 9.527 tỷ đồng, bằng 48,2% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Thu nội địa đạt 7.741 tỷ đồng, bằng 45,1% dự toán HĐND giao, bằng 93,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Các khoản thu đạt và vượt tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao:

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 159 tỷ đồng, bằng 53,2% dự toán năm, bằng 93,8% so với cùng kỳ năm 2018;

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 820 tỷ đồng, bằng 52,2% dự toán năm, bằng 104,2% so với cùng kỳ năm 2018;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 228 tỷ đồng, bằng 61,6% dự toán năm; Thu phí, lệ phí đạt 77 tỷ đồng, bằng 59,5% dự toán năm; Lệ phí trước bạ đạt 104 tỷ đồng, bằng 58,1% dự toán năm; Thu tiền sử dụng đất đạt 701 tỷ đồng, bằng 103,9% dự toán năm; Thu cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 96 tỷ đồng, bằng 239,4% dự toán năm; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 78 tỷ đồng, bằng 91,8% dự toán năm.

Những khoản thu chưa đảm bảo tiến độ thu theo dự toán HĐND tỉnh giao: Thu từ Doanh nghiệp nhà nước đạt 4.962 tỷ đồng, bằng 39,1% dự toán năm; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 2,1 tỷ đồng, bằng 43,6% dự toán năm; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế: không có số thu; Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã đạt 6,7 tỷ đồng, bằng 33,8% dự toán năm.

- Thu hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 1.785 tỷ đồng, bằng 68,7% so với dự toán năm và bằng 159,5% so với cùng kỳ năm 2018.

2.2. Về chi ngân sách địa phương

a) Chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019 là 5.130 tỷ đồng, bằng 34,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 106,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: đạt 1.752 tỷ đồng, bằng 44,2% so với dự toán năm.

- Chi thường xuyên: đạt 3.328 tỷ đồng, bằng 37,6% so với dự toán năm, trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 1.254 tỷ đồng, bằng 36,7% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ đạt 11,8 tỷ đồng, bằng 38,5% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình đạt 18,4 tỷ đồng, bằng 46,7% dự toán năm;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể đạt 813 tỷ đồng, bằng 48,8% dự toán năm;

+ Chi đảm bảo xã hội đạt 258 tỷ đồng, bằng 43,4% dự toán năm;

+ Các khoản chi đạt thấp như: chi sự nghiệp môi trường đạt 46 tỷ đồng, bằng 25% dự toán năm; chi văn hóa thông tin đạt 36,4 tỷ đồng, bằng 23,3% dự toán năm; chi hoạt động kinh tế đạt 358 tỷ đồng, bằng 24% dự toán năm.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

- Chi dự phòng ngân sách tỉnh: 48,5 tỷ đồng, đạt 16,6% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP đạt 513 tỷ đồng, bằng 29% dự toán năm.

2.3. Bội chi NSNN/Bội thu NSDP: Dự kiến 6 tháng đầu năm 2019 vay 7,197 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ để thực hiện Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (bằng 2,9% dự toán giao).

2.4. Chi trả nợ gốc: 48,75 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2019 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội;

đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán; đồng thời bổ sung chi một số nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CB;
- Lưu: VT, KT viet296

Nguyễn Tăng Bính

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	19,750,000	9,526,790	48.2%	101.4%
I	Thu cân đối NSNN	19,750,000	9,526,790	48.2%	101.4%
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	17,150,000	7,741,520	45.1%	93.5%
2	Thu từ dầu thô		-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2,600,000	1,785,270	68.7%	159.5%
4	Thu viện trợ		-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	16,458,229	5,643,290	34.3%	102.0%
I	Chi cân đối NSDP	14,690,401	5,130,409	34.9%	106.4%
1	Chi đầu tư phát triển	3,966,250	1,752,763	44.2%	112.4%
2	Chi thường xuyên	8,857,803	3,327,859	37.6%	102.1%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1,900	101	5.3%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,140	1,140	100.0%	100.0%
5	Chi dự phòng ngân sách	291,918	48,546	16.6%	
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1,571,390		0.0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1,767,828	512,881	29.0%	72.2%
C	BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSDP	250,000	7,197	2.9%	161.9%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	48,750	48,750	100%	66.1%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

DVT: triệu đồng

T T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	19,750,000	9,526,790	48.2%	101.4%
I	Thu nội địa	17,150,000	7,741,520	45.1%	93.5%
1	Thu từ khu vực DNNN	12,705,000	4,962,153	39.1%	79.0%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	300,000	159,545	53.2%	93.8%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1,570,000	819,737	52.2%	104.2%
4	Thuế thu nhập cá nhân	370,000	227,810	61.6%	136.9%
5	Thuế bảo vệ môi trường	800,000	394,165	49.3%	134.9%
6	Lệ phí trước bạ	180,000	104,591	58.1%	129.0%
7	Các loại phí, lệ phí	130,000	77,371	59.5%	124.9%
8	Các khoản thu về nhà, đất	720,000	799,025	111.0%	391.8%
+	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	-	15		
+	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	5,000	2,181	43.6%	64.6%
+	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	675,000	701,070	103.9%	399.0%
+	<i>Thu cho thuê mặt đất, mặt nước</i>	40,000	95,759	239.4%	385.5%
+	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	60,000	30,082	50.1%	76.6%
10	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	10,000	-	0.0%	0.0%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	85,000	77,990	91.8%	150.4%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản,... tại xã	20,000	6,751	33.8%	120.1%
13	Thu khác	200,000	82,300	41.2%	64.4%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	2,600,000	1,785,270	68.7%	159.5%

1	Thuế giá trị gia tăng hàng hoá nhập khẩu	1,840,000	1,475,000	80.2%	212.7%
2	Thuế xuất khẩu	150,000	130,000	86.7%	196.0%
3	Thuế nhập khẩu	610,000	175,000	28.7%	52.6%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14,739,151	6,136,375	41.6%	85.9%
1	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ 88%	13,289,135	4,890,940	36.8%	74.6%
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1,450,016	1,245,435	85.9%	211.7%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2019	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC C
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	16,458,229	5,643,290	34.3%	102.0 %
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	14,690,401	5,130,409	34.9%	106.4 %
I	Chi đầu tư phát triển	3,966,250	1,752,763	44.2%	112.4 %
1	Chi đầu tư cho các dự án	3,934,250	1,731,263	44.0%	113.2%
2	Chi đầu tư các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	12,000			
3	Chi đầu tư phát triển khác	20,000	21,500	107.5%	71.7%
II	Chi thường xuyên	8,857,803	3,327,859	37.6%	102.1 %
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi sự nghiệp Giáo dục-đào tạo và dạy nghề	3,414,174	1,254,358	36.7%	102.4%
2	Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ	30,713	11,810	38.5%	172.8%
3	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	938,107	270,974	28.9%	107.9%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	156,530	36,487	23.3%	115.9%
5	Chi sự nghiệp Phát thanh-truyền hình	39,492	18,436	46.7%	96.3%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33,368	16,684	50.0%	96.4%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	183,525	45,881	25.0%	125.4%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1,493,156	358,357	24.0%	126.2%
9	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1,664,932	812,973	48.8%	102.7%
10	Chi đảm bảo xã hội	594,884	258,469	43.4%	63.0%

III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1,900	101	5.3%	150.6%
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1,140	1,140	100.0%	100.0%
V	Chi dự phòng ngân sách	291,918	48,546	16.6%	
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1,571,390		0.0%	
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1,767,828	512,881	29.0%	72.2%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	823,090	245,501	29.8%	194.9%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	813,504	221,448	27.2%	39.3%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	131,234	45,932	35.0%	218.4%